

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 163/2024/HS-ST

Ngày: 26-12-2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Đông

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và bà Phạm Thị Minh Huyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 156/2024/TLST - HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Hoàng Thanh T, tên gọi khác: không; sinh ngày xx tháng x năm xxxx, tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ B, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: nguyên phó Giám đốc Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại H; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn N và bà Trần Thị H; có vợ là Nguyễn Thị T, có 03 con, con lớn nhất sinh năm xxxx, con nhỏ nhất sinh năm xxxx; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” đến ngày 28/12/2024, hiện tại ngoại, có mặt.

- **Nguyên đơn dân sự:** Chi cục Thuế C - V - C; địa chỉ: phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn H - chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục Thuế C - V - C, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người tham gia tố tụng khác:**

Người làm chứng: ông Hoàng Văn N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng và thương mại H (công ty H), có trụ sở tại tổ 3, khu Hồng Thạch A, phường Cẩm Thạch, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, đăng ký kinh doanh lần đầu năm 2017, người đại diện theo pháp luật ông Hoàng Văn N (bố đẻ Hoàng Thanh T), là Giám đốc, Hoàng Thanh T là Phó giám đốc. Công ty H có ngành nghề đăng ký kinh doanh là bán buôn vật liệu, thiết bị lắp

đặt khác trong xây dựng: Bán buôn gạch, ngói, đá, cát, sỏi... Trong quá trình kinh doanh, T đã mua cát trôi nổi trên thị trường (không kèm hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp). Để hợp lý số hàng hóa đã mua, T đã tìm hiểu và trực tiếp liên hệ mua hóa đơn không (không có hàng hóa kèm theo) của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Q (Công ty Q), có địa chỉ tại khu B, C, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Sau đó, gửi hợp đồng kinh tế cho Công ty Q ký và chuyển lại kèm theo hồ sơ pháp lý, giấy phép khai thác cát. Sau khi Công ty Q xuất hóa đơn điện tử, T sử dụng tài khoản của Công ty H và tài khoản của cá nhân của T chuyển tiền mua hóa đơn vào tài khoản của Công ty Q là 377.800.000 đồng. Từ tháng 3 đến tháng 6/2022, Công ty H đã mua 05 hóa đơn của Công ty Q, với tổng số tiền hàng trên hóa đơn là 1.876.665.000 đồng, số tiền thuế giá trị gia tăng là 187.666.500 đồng. Công ty H đã sử dụng 05 hóa đơn này để kê khai thuế giá trị gia tăng đầu vào cho các quý I và II năm 2022 để làm tăng số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ và làm giảm số thuế giá trị gia tăng phải nộp, trốn thuế với số tiền là 187.666.500 đồng.

Kết luận giám định ngày 25/7/2024 của Cục thuế tỉnh Quảng Ninh, kết luận: Công ty H thực hiện mua 05 số hóa đơn GTGT không (không có hàng hóa kèm theo) của Công ty Q để kê khai khấu trừ thuế đầu vào các số hóa đơn không hợp pháp (hóa đơn không có hàng hóa kèm theo) là hành vi trốn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 4 Điều 143 Luật Quản lý thuế về hành vi trốn thuế. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp khấu trừ bằng số thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ. Công ty H sử dụng không hợp pháp 05 hóa đơn giá trị gia tăng (hóa đơn không có hàng hóa kèm theo) để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào dẫn đến thiếu số tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp. Số tiền thuế trốn là 187.666.500 đồng.

Quá trình điều tra Hoàng Thanh T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, T khai: T tìm hiểu trên ứng dụng Facebook và biết Công ty Q cấp hóa đơn giá trị gia tăng về việc mua bán cát. T liên hệ đến người đại diện Công ty Q có số điện thoại 0964277907 (không rõ tên tuổi, địa chỉ), thỏa thuận Hợp đồng mua bán cát với Công ty Q, giao dịch qua chuyển phát nhanh. T phải trả tiền thuế giá trị gia tăng, tiền thuế tài nguyên môi trường 18.000đồng/m³ cho công ty Q. T chuyển 200.000.000 đồng để mua 02 bộ hồ sơ của công ty Q, và 175.800.000 đồng để thanh toán tiền mua các hóa đơn. Sau khi lấy được hóa đơn, T tự làm các chứng từ kế toán và kê khai thuế. Thực tế Công ty Q không cung cấp cát cho Công ty của T.

Ngày 09/12/2024, bị cáo Hoàng Thanh T đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền trốn thuế 187.666.500 đồng để khắc phục hậu quả.

Nguyên đơn dân sự Chi cục Thuế C - V - C có quan điểm: Hoàng Thanh T đã sử dụng 05 hóa đơn để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào dẫn đến thiếu số tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp, số tiền trốn thuế là 187.666.500 đồng, T đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền này nên Chi cục Thuế không có đề nghị gì đối với bị cáo.

Người làm chứng ông Hoàng Văn N trong quá trình điều tra và tại phiên tòa khai: thời điểm năm 2022 ông là Giám đốc Công ty H, Hoàng Thanh T con trai ông là phó Giám đốc Công ty. Việc T có hành vi sử dụng 05 hóa đơn để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, làm thiếu số tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp, để

trốn thuế, ông không biết, không tham gia gì.

Tại bản Cáo trạng số: 3216/CT-VKSCP ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Hoàng Thanh T về tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã viện dẫn và truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm d khoản 1 Điều 200; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Thanh T từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: không có.

Về biện pháp tư pháp: buộc bị cáo phải nộp lại số tiền trốn thuế 187.666.500 đồng để tịch thu sung vào N sách nhà nước. Bị cáo đã tự nguyện nộp đủ số tiền trên tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C; nguyên đơn dân sự không có yêu cầu, đề nghị gì nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo không tranh luận. Tại lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thanh T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thừa nhận bị truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay là đúng người, đúng tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ như lời khai người làm chứng; kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: từ tháng 3 đến tháng 6/2022, tại Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng và thương mại H, có trụ sở tại tổ B, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, Hoàng Thanh T đã có hành vi mua trái phép 05 hóa đơn khống, tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn là 2.064.331.500 đồng, để hợp thức hàng hóa đầu vào và kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng, để trốn thuế với tổng số tiền là 187.666.500 đồng.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn thuế”, quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng số 3216/CT-VKSCP ngày

29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý thuế đồng thời xâm phạm đến hoạt động quản lý thu, chi N sách của nhà nước, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của nhà nước. Bị cáo là người trưởng thành, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì vụ lợi vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế để khắc phục hậu quả; tự nguyện ra đầu thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử thấy áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về áp dụng hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 4 Điều 200 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Trong vụ án này, bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, hiện nay không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án: không có, nên không đề cập giải quyết.

[7] Về biện pháp tư pháp: buộc bị cáo phải nộp lại số tiền trốn thuế để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo đã nộp lại số tiền trốn thuế 187.666.500 đồng để khắc phục hậu quả, theo biên lai thu tiền số 0001365 ngày 09/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, bị cáo đã nộp xong. Nguyên đơn dân sự Chi cục Thuế C - V - C không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Liên quan trong vụ án:

Đối với Công ty Q có hành vi bán trái phép hóa đơn cho Công ty H, hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, thành phố Hà Nội đang điều tra, xử lý, nên không đề cập giải quyết.

Đối với Hoàng Văn N là Giám đốc Công ty H, Vũ Thị Bích T và Nguyễn Thị T là kế toán Công ty H, nhưng không biết việc Hoàng Thanh T mua không hóa đơn, nên không đề cập xử lý.

Hoàng Thanh T tự ý mua trái phép hóa đơn với mục đích để Công ty H sử dụng để kê khai thuế, nên việc mua trái phép hóa đơn bị xử lý về tội “Trốn thuế”, theo quy định tại Điều 200 Bộ luật Hình sự. Còn thành viên của Công ty H không biết việc T mua trái phép hóa đơn để trốn thuế nên không có căn cứ xử lý đối với pháp nhân và các cá nhân khác của Công ty H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm d khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: bị cáo Hoàng Thanh T phạm tội “Trốn thuế”

Xử phạt: bị cáo Hoàng Thanh T 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Hoàng Thanh T phải nộp lại số tiền trốn thuế 187.666.500đ (một trăm tám mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm đồng) để tịch thu sung vào N sách nhà nước, được trừ vào số tiền bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001365 ngày 09/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Bị cáo đã nộp xong.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo Hoàng Thanh T.

Về xử lý vật chứng của vụ án: không có, nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: căn cứ vào Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Hoàng Thanh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C
- CQCSĐT Công an Tp. C,
- CQ THAHS Công an Tp. C;
- CCTHADS thành phố C;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh
- Bị cáo; nguyên đơn dân sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thu Đông

